

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 62/2021/DS-ST

Ngày: 18-5-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Lý Văn Hùng.
2. Ông: Nguyễn Văn Ghên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2021/TLST-DS ngày 31/3/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-DS ngày 20/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS ngày 10/5/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (Sau đây gọi tắt là V).

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, tòa nhà R, số 09, đường B, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh K – Trưởng Bộ phận tố tụng – Trung tâm thu hồi nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Kim K, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 11, đường số 01, khu tái định cư cảng P, Phường S, Quận T, Tp.HCM.

Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020.

2. Bị đơn: Bà Phan Kim M, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Khu vực 2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.
(Bà K có mặt, bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2020 của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (gọi tắt là V), những lời khai tiếp theo cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Kim K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào ngày 11/11/2016, bà Phan Kim M và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên V (V) có ký hợp đồng tín dụng số 20161116-0006000, theo đó bà M vay số K 31.650.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà M có nghĩa vụ thanh toán số K 48.539.409 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 2.024.000 đồng, tháng cuối cùng thanh toán 1.987.409 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/12/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà M đã nhận đủ số K vay và chỉ thanh toán cho V được 05 kỳ với số K là 10.120.000 đồng. Từ ngày 10/9/2017 cho đến nay thì ngưng không thanh toán dù V đã có biện pháp nhắc nhở.

Do bà M vi phạm nghĩa vụ nên V khởi kiện yêu cầu bà M phải thanh toán số K gốc 27.138.459 và K lãi suất phát sinh là 11.280.950 đồng. Tổng cộng là 38.419.409 đồng.

Bà Phan Kim M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà xác nhận có ký hợp đồng tín dụng để vay của V như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng, đến nay còn nợ lại số K gốc và lãi tổng cộng là 38.419.409 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà M xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất ý kiến. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với đề nghị với phương án trả nợ của bà M.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Phan Kim M phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng. Quan hệ pháp luật có phát sinh tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bà M hiện cư trú tại thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung,

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có căn cứ để xác định giữa bà Phan Kim M và V có giao kết hợp đồng tín dụng, thể hiện qua giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết vào ngày 14/11/2016, số K vay là 31.650.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận 3,72%/tháng. Theo thỏa thuận, bà M có trách nhiệm thanh toán số K gốc và lãi tổng cộng là 48.539.409 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng.

Nhưng từ khi nhận giải ngân cho đến nay bà M chỉ thanh toán được 05 kỳ, số K 10.120.000 đồng, còn nợ lại số K 38.419.409 đồng (bao gồm cả gốc và khoản K lãi).

Bà M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà cũng thừa nhận còn nợ số K như trên. Tại biên bản hòa giải do Tòa án tiến hành thì bà M xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý.

Do vậy, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của V nên Hội đồng xét xử buộc bà Phan Kim M phải thanh toán một lần khoản nợ vay 38.419.409 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 và 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2]. Về mức lãi suất cho vay là 3,75%/tháng và cách tính lãi theo thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và thực hiện là đúng pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về lãi suất chậm thi hành án: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định các khoản lãi theo thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên đã chấm dứt không còn phát sinh kể cả trong giai đoạn thi hành án nên bà M không phải chịu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

[3]. Về án phí: Phạm Kim M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số K nguyên đơn khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận để sung ngân sách Nhà nước nhưng bà M thuộc đối tượng là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp K án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp K án phí dân sự sơ thẩm cho bà M đúng quy định tại Điều 11, 12 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 93, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Phan Kim M.

Buộc bà Phan Kim M phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng tổng số nợ gốc và lãi là 38.419.409 đồng

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Bà Phan Kim M không phải chịu lãi suất chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Phan Kim M được miễn nộp K án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V K tạm ứng án phí đã nộp là 960.000 đồng theo biên lai thu số 7803 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà.

4. Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Hùng - Nguyễn Văn Ghên

Văn Công Thức

